TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 14/03/2019.
V/v tranh chấp "Chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trịnh Văn Bé.
2. Bà Đào Thị Thu Vân.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân D huyện Chợ Mới.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân Dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2016/TLST- DS ngày 23 tháng 5 năm 2016 về việc tranh chấp: *"Chia di sản thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Thái D**,** sinh năm 1951. (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp PT 1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.
Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P – Luật sư, thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P – Đoàn luật sư An Giang.

2. Bị đơn: Ông Châu Văn B**,** sinh năm 1969 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp PT 1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
3.1. Bà Châu Thị M, sinh năm 1947 (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.
3.2. Ông Châu Văn X, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt).
3.3. Bà Châu Thị H, sinh năm 1955 (Có đơn xin vắng mặt).
3.4. Chị Hoàng Thị Kim L – sinh năm 1980, chị L ủy quyền cho ông Hoàng Thái D theo văn bản ủy quyền ngày 12.4.2018. có mặt.
Cùng ngụ ấp PT 1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/5/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Thái D trình bày: Ông là con cụ

Nguyễn Thị K (sinh năm 1928) và cụ Hoàng Văn H1, cha mẹ ông không còn chung sống từ thời gian nào ông không biết, năm 1953 mẹ ông chung sống với cụ Châu Văn M1 (sinh năm 1929), cụ M1 có một người con riêng là bà Châu Thị M, cụ M1 và cụ K có 3 người con chung là Châu Thị H; Châu Văn X và Châu Văn Be. Cụ M1, cụ K chết có để lại diện tích đất khoảng 610m^2, năm 1975 cha mẹ có cho ông cất nhà trên phần đất đó ngang 4,2m dài 12m. Năm 1995 cụ M1 chết, năm 1997 cụ K chết, cả hai không để lại di chúc. Năm 2016, ông cất một nhà tạm cho con gái ông diện tích 12,9m thì ông B ngăn chặn, chính quyền địa phương cũng hòa giải nhiều lần nhưng không được. Trên phần đất hiện nay theo sơ đồ đo, vẽ ngày 04.9.2018 thể hiện: phần đất có căn nhà phủ thờ của cha mẹ diện tích 162,2m^2 và nhà vệ sinh diện tích 1,3m^2 Ông B đang sử dụng, ông Châu Văn X đang sử dụng 96,2m^2 ; Ông Hoàng Thái D đang sử dụng 62,7m^2 ; nhà của bà Nguyễn Thị H1 (là dì ruột của chúng tôi bà không có gia đình đã chết) diện tích 17,1m^2; ngoài ra trên đất còn có căn nhà tạm diện tích 12,9m^2 nhà vệ sinh diện tích 1,3m^2 của bà Hoàng Thị Kim L (con ông D) đang sử dụng; phần mộ bà K, ông M1, bà H1 có diện tích chung là 10,8m^2 và 3 phần mộ (đất) của anh, chị, em của ông D, ông B diện tích 5,2m. Ông D yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Trong tờ tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Châu Văn B trình bày: Mẹ ông là Nguyễn Thị K (sinh năm 1928) cha là Châu Văn M1 (sinh năm 1929), hai cụ có tất cả 04 người con gồm: Châu Thị M; Châu Thị H; Châu Văn X và Châu Văn B; riêng ông Hoàng Thái D, ông chỉ biết trước đây cha mẹ ông có cho cất nhà trên phần đất của cha mẹ, ông D không chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ ông. Tài sản cha mẹ để lại có 610 m^2 đất thổ cư tọa lạc tại ấp Phú Thượng 1, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang trên phần đất hiện nay theo sơ đồ đo, vẽ ngày 04/9/2018 thể hiện: phần đất cha mẹ đang sử dụng trong đó có căn nhà phủ thờ của cha mẹ diện tích 162,2m^2 và nhà vệ sinh diện tích 1,3m^2; Ông Châu Văn X đang sử dụng 96,2m^2; Ông Hoàng Thái D đang sử dụng 62,7m^2 ; nhà của bà H1 (là dì ruột của chúng tôi bà không có gia đình đã chết) diện tích 17,1m; đất mồ mã các bên thống nhất chừa 170m; lối đi chung 74,9m^2 , tổng cộng 574,4m^2 ; ngoài ra trên đất còn có căn nhà tạm diện tích 12,9m^2 nhà vệ sinh diện tích 1,3m^2 của bà Hoàng Thị Kim L (con ông D) đang sử dụng; trên phần đất còn có mộ bà K, ông M1 và bà H1 có diện tích chung là 10,8m^2 và 3 phần mộ (đất) của anh, chị, em của ông D, ông B diện tích 5,2m. Ông D yêu cầu cho con ông là Kim L được sử dụng diện tích đất trên, nếu không được thì ông yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật anh em chúng tôi không đồng ý. Cha mẹ ông còn sống cho ông D ở nay anh, chị, em ông cũng đồng ý cho ông D tiếp tục sử dụng diện tích đất trên , không chia thêm.

Bà Châu Thị M, bà Châu Thị H trình bày: Chúng tôi là con của ông M1, bà K, B là em của chúng tôi, sau khi cha mẹ chết có để lại phần đất 610 m^2, không để lại di chúc. Việc ông Hoàng Thái D cất nhà trên phần đất là do trước đây cha mẹ tôi cho ở, nay chúng tôi cũng đồng ý cho ông sử dụng diện tích 62,7 m^2 theo sơ đồ đo đạc các điểm 56, 55, 59, 58, 57, 25, phần đất mà chúng tôi được hưởng chúng tôi tạm giao cho Châu Văn B sử dụng khi nào cần chúng tôi tự giải quyết. Do bận công việc nên chúng tôi xin vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải và xét xử.

Ông Châu Văn X trình bày: tôi là con của ông M1, bà K, B là em của tôi, cha mẹ tôi có phần đất 610 m^2, năm 1985 che mẹ cho tôi một khu đất diện tích 96,2m^2 tôi cất nhà sinh sống cho đến nay, ông D một nền nhà không rỏ diện tích bao nhiêu. Phần đất còn lại ông D và B có tranh chấp do ông B quyết định, nếu tôi được hưởng thêm tôi đồng ý cho ông B tạm sử dụng sau này nếu cần anh em chúng tôi tự giải quyết, tôi bệnh không đi đứng được nên xin vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử.

Chị Hoàng Thị Kim L trình bày: Chị là con của ông D, chị có cất 01 căn nhà diện tích 14,2m^2 trên phần đất tranh chấp di sản thừa kế giữa ông D và ông B, nay chị yêu cầu được tiếp tục ở trên đất.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Việc ông D yêu cầu chia thừa kế là có căn cứ vì ông D là con của bà K và ông Hiếu thể hiện qua trích lục khai sinh số 380/TLKS-BS ngày 4 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân D xã Kiến An. Về di sản của cụ K cụ M1 để lại là Phần đất đo đạc thực tế diện tích 649,6m^2 nhưng ông D không yêu cầu chia phần lối đi chung là 74,9m^2, trừ diện tích căn nhà của bà H1 17,1m^2, trừ diện tích đất của phần mộ của ông M1 bà K là 7,8m^2, phần mộ của bà H1 diện tích 3,0m^2, phần mộ của anh chị ông B diện tích 5,2m^2 còn lại 541,6m^2 yêu cầu chia thừa kế cho 5 người con là Hoàng Thái D, Châu Thị M, Châu Văn Xê, Châu Văn B và Châu Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân Dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Phần đất đo đạc thực tế diện tích 649,6m^2 có nguồn gốc của cụ K cụ M1 để lại. Cụ K và cụ M1 có 3 người con, cụ M1 có 01 con riêng là bà M, cụ K có 01 con riêng tên D. Cụ K cụ M1 chết không để di chúc, các bên đồng ý khấu trừ diện tích lối đi chung là 74,9m^2, trừ diện tích căn nhà của bà H1 17,1m^2, trừ diện tích đất của phần mộ của ông M1 bà K là 7,8m^2, phần mộ của bà H1 diện tích 3,0m^2, phần mộ của anh chị ông B diện tích 5,2m^2 còn lại 541,6m^2. Việc ông D yêu cầu chia thừa kế cho 5 người con là không có cơ sở chấp nhận. Tại tờ trích lục khai sinh số 380/TLKS-BS ngày 4 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân D xã Kiến An có cơ sở xác định ông D là con của cụ K nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia di sản phần cụ K ông D được 1 suất. Các ông bà M, H, X từ chối nhận di sản và tự nguyện giao cho ông B. Sự tự nguyện này là phù hợp đề nghị hội đồng xét xử xem xét. Di sản cụ K cụ M1 còn lại 541,6m^2 chia 2 mỗi phần là 270,8m^2. Phần cụ K 270,8m^2 được chia cho 4 kỷ phần (ông D, ông B, ông X, bà H) mỗi phần được hưởng tương đương 67,7m^2. Hiện ông D đang sử dụng diện tích 62,7m^2 so với kỷ phần được hưởng còn thiếu 5m^2 tương đương số tiền 2.000.000đ phần này các đồng thừa kế khác có nghĩa vụ hoàn lại. Đối với yêu cầu của bà L do bà L không phải là hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ M1 nên bà L không có quyền yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Ông Hoàng Thái D khởi kiện yêu cầu chia di sản do cha mẹ để lại, tài sản do ông Châu Văn B đang quản lý sử dụng. Đây là tranh chấp về thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng D sự. Ông Châu Văn B có nơi cư trú ấp Phú Thượng 1, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân D huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng D sự. Bà Châu Thị M, ông Châu Văn X, bà Châu Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng D sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông Xệ, bà Huệ.

[2]. Về nội dung: Cụ Châu Văn M1 (chết) và cụ Nguyễn Thị K (chết) là vợ chồng có 3 con chung là Châu Thị H; Châu Văn X và Châu Văn B. Ngoài ra cụ Châu Văn M1 có 01 con riêng là Châu Thị M. Cụ Nguyễn Thị K có 01 con riêng là Hoàng Thái D.

Quá trình điều tra các bên thống nhất tài sản của cụ M1 cụ K để lại là 610m^2 đất, tọa lạc tại ấp Phú Thượng 1, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ M1 và cụ K chết không để lại di chúc. Ông D yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ K theo quy định pháp luật cho 5 người con. Ông B xác định ông D không phải là con của cụ K, nếu ông D có chứng cứ chứng minh là con cụ K thì đồng ý chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá cụ thể như sau: Phần đất đo đạc thực tế diện tích 649,6m^2. Hiện ông B cất 01 căn nhà diện tích 50,4m^2 trên diện tích đất 162,2m^2, ông X cất 01 căn nhà trên diện tích 60,3m^2 trên diện tích 96,2m^2, ông D cất 01 căn nhà diện tích 49,9m^2 trên diện tích đất 62,7m^2, 01 căn nhà của bà Nguyễn Thị H1 (chết) và 01 căn nhà + nhà vệ sinh của chị L diện tích 14,2m^2, lối đi chung có diện tích 74,9m^2; 02 bụi tre và 03 khu mộ trên đất. Đất có giá 400.000đ/m^2. Ngoài ra trên đất còn có: 01 cây còng có đường kính từ 20 – 40 cm, giá 90.000đ; 01 cây còng có đường kính từ 40 - 60cm, giá 150.000đ; 02 bụi tre có 100 cây có chiều cao 5 – 7m, giá 15.000đ/cây; 01 bụi tre nhỏ gồm 10 cây có chiều cao dưới 5m, giá 10.000đ/cây; 04 cây dừa 4 năm giá 350.000đ/cây; 01 cây dừa trên 10 năm giá 650.000đ; Phần này các đương sự thống nhất không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

Do cụ K và cụ M1 chết không để lại di chúc diện tích 649,6m^2 không được định đoạt cho ai. Căn cứ điều 612 Bộ luật D sự 2015 thì diện tích 649,6m^2 là di sản của cụ K và cụ M1. Ông B cho rằng ông D không phải là con chung của cụ K và cụ M1 căn cứ Trích lục khai sinh số 380/TLKS-BS ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân D xã Kiến An thì ông D là con của cụ K và cụ Hoàng Văn Hiếu nên có căn cứ xác định ông D là con của cụ K. Căn cứ Điều 649, 650, 651 Bộ luật D sự 2015 hàng thừa kế thứ nhất của cụ K là Châu Thị H; Châu Văn X và Châu Văn B và Hoàng Thái D. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ

M1 là Châu Thị H; Châu Văn X; Châu Văn B và Châu Thị M. Cụ Nguyễn Thị K có 01 con riêng là Hoàng Thái D.

Như vậy di sản của cụ K cụ M1 sẽ được chia cho các hàng thừa kế là Châu Thị H; Châu Văn X; Châu Văn B; Hoàng Thái D và Châu Thị M. Di sản của cụ K cụ M1 là 649,6m^2 quá trình giải quyết các bên thống nhất không yêu cầu chia phần lối đi chung và đất của các phần mộ như vậy di sản còn lại là 649,6m^2 trừ diện tích lối đi chung là 74,9m^2 (tại các điểm 1, 51, 53, 13, 20, 56, 57, 58, 60, 6), trừ diện tích căn nhà của bà H1 17,1m^2, trừ diện tích đất của phần mộ của ông M1 bà K là 7,8m^2 (tại các điểm 41, 42, 43, 44), phần mộ của bà H1 diện tích 3,0m^2 (tại các điểm 45, 46, 47, 48), phần mộ của anh chị ông B diện tích 5,2m^2 (tại các điểm 61, 62, 63, 64) còn lại 541,6m^2. Tài sản được chia thừa kế theo pháp luật như sau: Tổng giá trị tài sản là 541,6m^2 x 400.000đ/m^2 = 216.640.000đ.

Di sản của cụ M1 ½ tương đương là 108.320.000đ được chia cho Châu Thị H; Châu Văn X; Châu Văn B và Châu Thị M, mỗi kỷ phần được hưởng tương đương 108.320.000đ : 4 = 27.080.000đ.

Di sản của cụ K ½ tương đương là 108.320.000đ được chia cho Châu Thị H; Châu Văn X; Châu Văn B và Hoàng Thái D mỗi kỷ phần được hưởng tương đương 108.320.000đ : 4 = 27.080.000đ.

Bà M, bà H có yêu cầu nếu Tòa án chia thừa kế thì phần hưởng sẽ giao cho ông B đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và phù hợp pháp luật nghĩ nên chấp nhận. Xét thấy ông B, ông X, ông D có quá trình sử dụng đất và đã cất nhà ở ổn định nghĩ nên giao phần đất trên cho ông B, ông X và ông D các ông có nghĩa vụ hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế khác.

Hiện ông B cất 01 căn nhà diện tích 50,4m^2 trên diện tích đất 162,2m^2 x 400.000đ = 64.880.000đ (tại các điểm 51, 2, 3, 52, 53) và phần đất diện tích 220m^2 (tại các điểm 55, 59, 56, 58, 36, 50, 5, 54, 30, 31, 32, 29).

Ông X cất 01 căn nhà trên diện tích 60,3m^2 trên diện tích 96,2m^2 x 400.000đ = 38.480.000đ (tại các điểm 52, 4, 54, 55, 56, 20, 13, 53) so với kỷ phần được hưởng là 54.160.000đ còn thiếu là 15.680.000đ ông X có yêu cầu phần hưởng của ông giao lại cho ông B đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và phù hợp pháp luật nghĩ nên chấp nhận.

Ông D cất 01 căn nhà diện tích 49,9m^2 trên diện tích đất 62,7m^2 x 400.000đ = 25.080.000đ (tại các điểm 56, 55, 59, 58, 57, 25). So với kỷ phần được hưởng còn thiếu 2.000.000đ. Ông B có nghĩa vụ giao lại cho ông D số tiền 2.000.000đ.

Đối với nhà của chị L diện tích 14,2m^2 chị L có yêu cầu được tiếp tục ở trên phần đất đang cất nhà. Xét thấy chị L không phải là hàng thừa kế thứ nhất của cụ K cụ M1 nên không được quyền hưởng di sản của cụ K cụ M1. Phần đất chị L đang ở được chia cho ông B nếu chị L có yêu cầu có thể thỏa thuận với ông B hoặc khởi kiện bằng một vụ án D sự khác.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá, đo đạc 1.427.690đ ông Hoàng Thái D tạm nộp 1.427.690đ. Ông D phải chịu 476.090đ, ông B, ông X mỗi người phải chịu 475.800đ. Ông B có nghĩa vụ hoàn lại cho ông D số tiền 475.800đ, ông X có nghĩa vụ hoàn lại cho ông D số tiền 475.800đ

[4] Về án phí D sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng ông D, ông B, ông Xệ đều là những hộ nghèo, cận nghèo có giấy chứng nhận do UBND xã Kiến An cấp nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ các Điều 612, 649, 650, 651 Bộ luật D sự; Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 228, 273 Bộ luật tố tụng D sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của ông Hoàng Thái D.

Ông Hoàng Thái D được quyền sử dụng phần đất diện tích đất 62,7m^2 tại các điểm 56, 55, 59, 58, 57, 25 theo bản vẽ Hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới đo vẽ ngày 04 tháng 9 năm 2018.

Ông Châu Văn B được quyền sử dụng phần đất diện tích đất 162,2m^2 tại các điểm 51, 2, 3, 52, 53 và phần đất diện tích 220m^2 tại các điểm 55, 59, 56, 58, 36, 50, 5, 54, 30, 31, 32, 29 theo bản vẽ Hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới đo vẽ ngày 04 tháng 9 năm 2018.

Ông Châu Văn X được quyền sử dụng phần đất diện tích đất 96,2m^2 tại các điểm 52, 4, 54, 55, 56, 20, 13, 53 theo bản vẽ Hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới đo vẽ ngày 04 tháng 9 năm 2018.

Ông Châu Văn B có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Hoàng Thái D số tiền 2.000.000đ.

Ông Hoàng Thái D, ông Châu Văn X, ông Châu Văn B có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật về đất đai.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Kim L yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích 14,2m^2.

Chi phí tố tụng: 1.427.690đ (ông D tạm nộp). Ông D phải chịu 476.090đ (đã nộp xong), ông B, ông X mỗi người phải chịu 475.800đ. Ông B có nghĩa vụ hoàn lại cho ông D số tiền 475.800đ, ông X có nghĩa vụ hoàn lại cho ông D số tiền 475.800đ.

Án phí DSST:

Ông Hoàng Thái D, ông Châu Văn X đều là những hộ nghèo, cận nghèo có giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân xã Kiến An cấp nên được miễn tiền án phí.

Ông Châu Văn B phải chịu 2.708.000đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho ông Hoàng Thái D số tiền 200.000đ theo biên lai thu số 004163 ngày 23/05/2016.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho bà Hoàng Thị Kim L số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0019751 ngày 06/06/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật D sự 2015.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Bình